

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

ĐỀ TÀI KHOA HỌC

**HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
TRONG XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ**

Mã số: 98-98-055

Chủ nhiệm đề tài : T.S Nguyễn Hữu Hải

Thư ký đề tài:	Th.S	Chu Xuân Khánh
Thành viên đề tài:	C.N	Lê Văn Hoà
	C.N	Hoàng Mai
	C.N	Phạm Quỳnh Hoa

MỤC LỤC

Trang
I

LỜI NÓI ĐẦU

Chương 1: Toàn cầu hoá là một xu thế của thời đại	4
I. Quá trình vận động đến toàn cầu hoá.	4
1. Diễn biến kinh tế thế giới.	4
2. Các quốc gia hướng tới mục tiêu phát triển chung về kinh tế - xã hội và môi trường.	10
3. Toàn cầu hoá trở thành một xu thế.	12
II. Những thách thức đặt ra trong toàn cầu hoá.	16
1. Thách thức trong kinh tế.	16
2. Thách thức về văn hoá, xã hội.	17
3. Thách thức với nền hoà bình thế giới và khu vực.	20
4. Thách thức về môi trường.	22
5. Thách thức về chính trị.	24
6. Thách thức với Nhà nước.	25
III. Vai trò của các liên kết và tổ chức quốc tế trong xu thế toàn cầu hoá	26
1. Vai trò của Liên hợp quốc.	27
2. Vai trò của Liên minh Châu Âu.	30
3. Vai trò của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam á.	32
4. Vai trò của Khu vực mậu dịch tự do ASEAN.	34
5. Vai trò của Tổ chức Thương mại thế giới.	36
6. Vai trò của Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu á - Thái Bình Dương.	40
Chương 2: Nền hành chính các nước trước xu thế toàn cầu hoá	45
I. Tác động của toàn cầu hoá đến nền hành chính các quốc gia.	45
1. Toàn cầu hoá vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia.	45
2. Vai trò của Nhà nước trong tiến trình toàn cầu hoá.	47
3. Tình tất yếu phải hiện đại hoá nền hành chính trong xu thế toàn cầu hoá.	53
II. Ảnh hưởng của toàn cầu hoá đến nước ta.	59
1. Tác động đến kinh tế.	59
2. Tác động đến khoa học - công nghệ và môi trường.	63
3. Tác động đến các vấn đề xã hội.	65
III. Hiện đại hoá nền hành chính các nước.	66
1. Hiện đại hoá nền hành chính các nước Châu Phi.	67
2. Hiện đại hoá nền hành chính các nước Châu á.	68
3. Hiện đại hoá nền hành chính các nước Trung và Đông Âu.	69
4. Hiện đại hoá nền hành chính ở Cộng đồng các quốc gia độc lập.	70
IV. Một số mô hình hiện đại hoá nền hành chính.	71
1. Hiện đại hoá nền hành chính nước Cộng hoà Pháp.	71

2. Hiện đại hoá nền hành chính nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa.	76
3. Hiện đại hoá nền hành chính Hợp chủng quốc Hoa Kỳ.	81
Chương 3: Nền hành chính nước ta trong xu thế toàn cầu hoá	87
I. Thực trạng nền hành chính nước ta.	87
1. Tổng quan về nền hành chính nhà nước nước ta.	87
2. Đánh giá nền hành chính trên các mặt.	91
II. Việt Nam trong tiến trình hội nhập	103
1. Những thách thức chủ yếu trong tiến trình hội nhập của nước ta.	103
2. Tiến trình hội nhập của nước ta.	106
3. Xác định vai trò của Nhà nước trong môi trường kinh tế quốc tế đang thay đổi.	116
III. Cải cách nền hành chính nước ta theo xu thế toàn cầu hoá.	119
1. Tính tất yếu khách quan phải cải cách nền hành chính nước ta theo xu thế toàn cầu hoá.	119
2. Định hướng cải cách nền hành chính nước ta.	121
3. Những nội dung cải cách nền hành chính Việt Nam.	126
LỜI KẾT	142
Tài liệu tham khảo	143

LỜI NÓI ĐẦU

1 - Lý do nghiên cứu:

Vào những năm cuối của thập kỷ 70, làn sóng toàn cầu hoá đã được khởi động do việc áp dụng những biện pháp đấu tranh chống trì trệ của Chính phủ các nước phát triển như: huỷ bỏ các biện pháp điều tiết hoạt động dịch vụ, vận tải, viễn thông, năng lượng hay sử dụng biện pháp sốc để chống sự phá giá đồng tiền... Làn sóng này còn được tiếp sức bởi việc truyền bá những công nghệ mới, quốc tế hoá các thị trường tài chính, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các nước đang phát triển theo hướng ưu tiên cho các hoạt động công nghiệp và dịch vụ theo cơ chế thị trường; sự quan tâm đặc biệt đến môi trường sống; sự chấm dứt chiến tranh lạnh và sự hợp nhất của các công ty xuyên quốc gia.

Từ đó đến nay, toàn cầu hoá không chỉ tác động trực tiếp đến hoạt động thương mại của từng quốc gia, khu vực, mà còn xâm nhập vào tất cả các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ, tài chính, đầu tư, công nghệ cũng như lĩnh vực văn hoá, xã hội, môi trường với các hình thức và mức độ khác nhau. Toàn cầu hoá tạo ra những quan hệ gắn kết, sự tùy thuộc lẫn nhau về các lĩnh vực hoạt động của các nền kinh tế. Toàn cầu hoá sẽ đưa đến những thuận lợi hoá trong thương mại, dịch vụ, đầu tư; tạo ra những lợi thế mới trong chuyển giao công nghệ, hiệp tác và phân công lao động giữa các quốc gia trong khu vực và thế giới; đẩy mạnh giao lưu kinh tế giữa các quốc gia để khai thác tối đa những lợi thế so sánh của mỗi nước, để bổ xung cho những thiếu hụt của các nước tham gia vào nền kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, đây cũng là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh gay gắt giữa các quốc gia, nhất là các quốc gia phát triển để tranh giành những ưu thế về thị trường, phân công lao động và các quan hệ kinh tế quốc tế khác. Toàn cầu hoá còn làm nảy sinh những vấn đề xã hội bức xúc như: chênh lệch giàu nghèo giữa các quốc gia, khu vực; thất nghiệp gia tăng, bất bình đẳng xã hội, phổ biến các tệ nạn xã hội và truyền bá những lối sống không thích ứng với truyền thống, bản sắc dân tộc của mỗi quốc gia.

Để hội nhập có ý nghĩa thiết thực với mỗi quốc gia, thì vai trò của Nhà nước trong việc chủ động điều hành nền kinh tế, xã hội trong giai đoạn hiện nay là cực kỳ quan trọng, bởi vậy việc nghiên cứu đề tài hành chính nhà nước trong xu thế toàn cầu hoá là cần thiết khách quan.

2 - Mục đích nghiên cứu:

Mục đích nghiên cứu của đề tài hướng vào phân tích diễn biến của xu thế toàn cầu hoá trong những thập kỷ qua và ảnh hưởng của nó đến các lĩnh vực hoạt động trong đời sống kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Đồng thời cũng nghiên cứu những nguyên tắc và kinh nghiệm ứng phó của các quốc gia với xu thế toàn cầu hoá để chắt lọc những nội dung thích hợp cho phát triển nền hành chính nước ta trong giai đoạn mới.

Kết quả nghiên cứu của đề tài phân nào có thể vận dụng vào tiến trình cải cách nền hành chính nước ta, nhất là sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức hành chính trong thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, góp phần làm phong phú thêm hệ thống chương trình, giáo trình tại Học viện Hành chính quốc gia.

3 - Phương pháp - phạm vi nghiên cứu:

- Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, nhóm nghiên cứu đã tích cực sử dụng các phương pháp chuyên khảo để có được những tư liệu phong phú về toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế, cùng với những kinh nghiệm quản lý nhà nước trong xu thế toàn cầu hoá của những quốc gia đại diện cho các Châu lục.

- Đồng thời, sử dụng có hiệu quả phương pháp phân tích lôgic, hệ thống để đúc rút thành nguyên tắc, những nội dung diễn ra trong tiến trình hội nhập, làm cơ sở cho việc đánh giá những thời cơ và thách thức của quá trình này.

- Kết hợp với phương pháp tư duy khoa học để chuyển tải được những kết quả nghiên cứu của các phương pháp trên vào nghiên cứu nền hành chính Việt Nam trong tiến trình hội nhập khu vực và toàn cầu.

Toàn cầu hoá là một vấn đề lớn và phức tạp hiện được nhiều quốc gia quan tâm nghiên cứu để hoạch định cho được một lộ trình khoa học về hội nhập trên mọi lĩnh vực. Nhưng theo nội dung của đề tài, tập thể nghiên cứu thống nhất tập trung đề cập đến các nội dung chủ yếu sau:

- + Toàn cầu hoá vì mục tiêu phát triển;
- + Hiện đại hoá nền hành chính theo xu thế toàn cầu hoá;
- + Nền hành chính Việt Nam trong xu thế toàn cầu hoá.

Chương 1

TOÀN CẦU HOÁ LÀ MỘT XU THẾ CỦA THỜI ĐẠI

I. QUÁ TRÌNH VẬN ĐỘNG ĐẾN TOÀN CẦU HOÁ

1. Diễn biến kinh tế thế giới

Chiến tranh và hoà bình dường như là hai mặt đối lập trong một thể thống nhất của đời sống xã hội toàn cầu qua các thời đại trước và sau công nguyên. Nó gắn liền và quyết định sự tồn tại hay phát triển của các quốc gia, dân tộc. Giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực vẫn được xem như là một quy luật sinh tồn, nó không chịu buông tha con người và diễn ra ngày càng khốc liệt trên phạm vi toàn cầu. Ngay khi bước vào thế kỷ XX, thế giới đã bị tàn phá nặng nề của các cuộc chiến tranh. Tính khốc liệt của chiến tranh còn để lại những "vết hằn" về kinh tế, xã hội và môi trường mà nhân loại không thể nào quên. Đại chiến thế giới thứ nhất (1914 - 1918) đã lôi cuốn gần 40 nước tham gia với lực lượng quân đội lên đến trên 65 triệu người. Sau màn khói chiến tranh là khoảng 13,6 triệu người chết, hơn 20 triệu người bị thương và những "đống tro tài sản" trị giá khoảng 360 tỷ USD làm ra trong nhiều kỷ nguyên trước đó. Chiến tranh thế giới thứ hai (1941-1944) đã huy động trên 110 triệu binh sỹ các nước tham gia, đã làm chết hơn 60 triệu người, bị thương hơn 90 triệu người và tiêu tốn một lượng chi phí lớn gấp nhiều lần chi phí của các cuộc chiến trước đó cộng lại (khoảng 4.000 tỷ USD). Riêng Liên Xô có 27 triệu người chết, 1.710 thành phố, 7.000 làng mạc bị đốt cháy và tàn phá. Mặc dù nước Nhật bại trận đã rõ ràng nhưng Mỹ vẫn ném 2 quả bom nguyên tử xuống hai thành phố lớn của Nhật làm chết hơn 40 vạn người. Tiếp đó là chiến tranh lạnh - cuộc chiến tranh chưa từng có trong lịch sử kéo dài hơn 30 năm đã không chỉ gây ra hậu quả nặng nề với các bên đối lập mà còn ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp đến các nước thứ ba không liên kết. Trong cuộc chiến tranh này, Việt Nam đã có 1.100.000 liệt sỹ, hơn 60 vạn người dân bị thương, 30 vạn người mất tích, gần 2 triệu người tàn tật, 2 triệu người nhiễm chất độc

hoá học. Ngay cả Mỹ, kẻ chủ mưu gây chiến cũng phải tiêu tốn nhiều binh lính và trên 10 ngàn tỷ USD quân dụng.

Chiến tranh cùng với suy thoái kinh tế đã đẩy nền kinh tế thế giới vào tình trạng trì trệ hơn nhiều so với khả năng vốn có của nó, bởi vậy đời sống kinh tế xã hội trở nên hết sức bức xúc, không đảm bảo tiêu dùng về lượng tối thiểu cho đời sống con người. Sau chiến tranh, nhiều quốc gia ở châu Âu và châu Á hầu như sụp đổ hoàn toàn về cơ sở hạ tầng như Liên xô (cũ), Trung Quốc, Đức, Ý, Nhật... nên khả năng phát triển kinh tế là rất khó khăn (xem biểu 1).

Biểu 1 : Tốc độ tăng trưởng kinh tế của một số nước trước, trong và sau chiến tranh thế giới

(Đơn vị: %)

Tên nước	Từ 1870 đến 1910	Từ 1911 đến 1950	Ghi chú
Nhật	2,9	1,8	
Thụy điển	2,4	2,6	
Đức	2,0	0,7	Tây đức
Canada	2,2	1,3	
Đan mạch	1,8	1,3	Từ 1840
Pháp	1,5	0,9	
Mỹ	2,5	1,1	
Liên xô (cũ)	1,0	2,0	Từ đầu đến 1913
Ý	0,8	1,3	
Anh	1,2	1,2	

Gánh nặng chiến tranh và suy thoái kinh tế trên đây đã và đang đè nặng lên vai các quốc gia, dân tộc và còn là những thách thức to lớn với cả nhân

loại trên bước đường phát triển. Trong hoàn cảnh khắc nghiệt đó, một số thách thức lại chuyển hoá thành động lực thúc đẩy các quốc gia vận động. Trong đó động lực về lợi ích cá nhân và cộng đồng trở thành trực tiếp và mạnh mẽ nhất. Đây là động lực về nhu cầu tồn tại của đời sống dân cư và nó đã thúc đẩy hoạt động kinh tế, xã hội nhằm thoả mãn những nhu cầu về lượng ngày càng tăng của đời sống con người. Do có động lực đó mà hoạt động kinh tế, xã hội trong thời kỳ này đã bắt được nhịp phát triển của khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến nên đã tạo ra những bước tiến vượt bậc trong nửa cuối thế kỷ XX.

Từ tốc độ tăng trưởng kinh tế dưới 1% trong thập kỷ 50, nền kinh tế thế giới đã đạt được tốc độ 2,6% ở thập kỷ 60, 3% ở thập kỷ 70, trong đó các nước đang phát triển có tốc độ tăng trưởng rất cao. (Xem biểu 2)

Biểu 2 : Nhịp độ tăng trưởng kinh tế thế giới sau thập kỷ 50 (Thế kỷ XX)

(Đơn vị: %)

Thời điểm	Thập kỷ 60	Thập kỷ 70	Thập kỷ 80	90-93	94-96
Chỉ tiêu					
Bình quân toàn thế giới	2,6	2,8	3,1	2,4	3,6
Các nước phát triển	4,6	1,9	2,9	-3,1	2,4
Các nước đang phát triển	2,0	2,8	3,5	4,3	5,5

Kết quả trên đây cho thấy rõ sự tăng trưởng không đều giữa các quốc gia trong các thời kỳ phát triển khác nhau. Biểu hiện rõ nét nhất là những diễn biến không đều giữa khối các nước phát triển, đang phát triển và những biến động bất thường trong phát triển kinh tế của chính các nước phát triển. Các nước phát triển phục hồi và phát triển kinh tế sau những năm 50 nhưng lại rơi vào suy thoái ở thập kỷ 70 (do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng dầu lửa) và

rồi lại phục hồi vào những năm sau đó. Còn các nước đang phát triển thì nhịp độ tăng cao và khá ổn định vào thời kỳ cuối. Có được những kết quả trên là do các nước này có nhiều ưu thế về tài nguyên thiên nhiên, nguồn nhân lực chưa được khai thác hoặc mới được sử dụng ít và đặc biệt là điểm xuất phát thấp hơn so với các nước phát triển.

Diễn tiến kinh tế thế giới ở thập niên cuối thế kỷ này có xu hướng dịch chuyển tâm điểm phát triển từ Âu sang Á bởi những nước có tốc độ tăng trưởng cao hiện tập trung ở châu Á mặc dù cho tới giữa thế kỷ XX, các quốc gia này vẫn còn là thuộc địa hay nửa thuộc địa. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản là quốc gia tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới (tốc độ tăng bình quân 7,6%/ năm trong suốt gần 25 năm - từ năm 1951 đến 1975). Sau đó là một số nước công nghiệp mới (NICs) như Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Singapore và đặc biệt là Trung Quốc (năm 1993 tăng 13,5%) (Xem biểu 3).

Biểu 3 : Tăng trưởng kinh tế của một số nước ở châu Á sau thập kỷ 70

Tên nước	Thời kỳ 1980-1990	Thời kỳ 1991-1995
Hàn quốc	9,4	7,2
Xingapore	6,4	8,7
Hồng kông	6,9	5,6
Trung quốc	10,2	12,8
Việt Nam	5,2	8,2

Trên thực tế về quy mô nền kinh tế cho thấy rằng ở vào thập kỷ 60, tổng thu nhập của các nước Đông Bắc và Nam Á chỉ bằng 1/2 Mỹ, 1/3 Tây Âu thì